

A. Thái
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *4091* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục thực hiện hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 7023/STC-QLG&CS ngày 10/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục thực hiện hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi, cụ thể như sau:

- Danh mục tài sản, dịch vụ trang bị: Thực hiện hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) (*danh mục chi tiết tại Văn bản số 7023/STC-QLG&CS ngày 10/12/2019 của Sở Tài chính kèm theo*).

- Tổng giá trị tài sản, dịch vụ khoảng: 2.265.040.000 đồng, (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng), đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp 2019 đã giao cho đơn vị.

Điều 2. Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi thực hiện Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

TháiTM

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng



Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng
Nai
Thời gian ký:
10.12.2019 16:24:41
+07:00

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7043 /STC-QLG&CS

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2019

V/v phê duyệt danh mục thực
hiện hỗ trợ trong việc áp dụng
quy trình sản xuất nông nghiệp
tốt (GAP) của Chi cục Trồng trọt,
BVTV và Thủy lợi

Kính gửi: UBND tỉnh Đồng Nai.

Sở Tài chính nhận được Công văn số 4033/SNN-KHTC ngày 07/10/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt danh mục thực hiện hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi.

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh chấp thuận phê duyệt danh mục thực hiện hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) của Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi, cụ thể như sau:

- Danh mục tài sản, dịch vụ trang bị: Thực hiện hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) (chi tiết đính kèm).

- Tổng giá trị tài sản, dịch vụ khoảng: 2.265.040.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng), đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí sự nghiệp 2019 đã giao cho đơn vị.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chi cục trồng trọt BVTV&TL (để biết);
 - Ban Giám đốc;
 - Lưu: VT, QLG&CS;
- <LvT: 09/12/2019>

Thuan-40



Lê Văn Thư

DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Công văn số 7023 /STC-QLG&CS ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Sở Tài chính)

Đvt: đồng

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Bình Lộc - Địa chỉ: Xã Bình Lộc, TP. Long Khánh, T.Đồng Nai - Tiêu chuẩn chứng nhận: VietGAP cho sản phẩm chôm chôm - Quy mô: 46 hộ - Diện tích: 49,45 ha				165.000.000
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				26.280.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (6 mẫu Chôm chôm)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	6	1.000.000	6.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	6	1.000.000	6.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	6	1.200.000	7.200.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	6	1.000.000	6.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	6	180.000	1.080.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				64.960.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	2	800.000	1.600.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	2	200.000	400.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	2	400.000	800.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	1	800.000	800.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	2	800.000	1.600.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	2	200.000	400.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	2	400.000	800.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ...(trọn gói)	Trọn gói	1	1.460.000	1.460.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	25	800.000	20.000.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	25	200.000	5.000.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	25	400.000	10.000.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	25	500.000	12.500.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	2	800.000	1.600.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	2	800.000	1.600.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				73.760.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	3	1.400.000	4.200.000

	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chứng nhận VietGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	1	1.400.000	1.400.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	1	1.400.000	1.400.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	3.160.000	3.160.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	900.000	900.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	900.000	900.000
B	Hợp tác xã Nông nghiệp – Thương mại – Dịch vụ Xuân Lập - Địa chỉ: Xã Xuân Lập, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm chôm chôm, sầu riêng - Quy mô: 59 hộ - Diện tích: 81,95 ha Trong đó: + 57,85 ha sầu riêng với 42 hộ + 5,7 ha chôm chôm với 6 hộ + 18,4 ha trồng (chôm chôm, sầu riêng) với 11 hộ				286.100.000
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (4mẫu Chôm chôm; 5 mẫu sầu				39.420.000
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	9	1.000.000	9.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	9	1.000.000	9.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	9	1.200.000	10.800.000

1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	9	1.000.000	9.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	9	180.000	1.620.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				110.500.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	4	800.000	3.200.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	4	200.000	800.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	4	400.000	1.600.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	2	800.000	1.600.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	4	800.000	3.200.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	4	200.000	800.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	4	400.000	1.600.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ...(trọn gói)	Trọn gói	1	2.500.000	2.500.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Công	40	800.000	32.000.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Công	40	200.000	8.000.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	40	400.000	16.000.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	40	500.000	20.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	4	800.000	3.200.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	4	800.000	3.200.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				136.180.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	6	1.400.000	8.400.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	6	1.400.000	8.400.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	6	1.400.000	8.400.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	6	1.400.000	8.400.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	6	1.400.000	8.400.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	6	1.400.000	8.400.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
e	Chứng nhận VietGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	4.180.000	4.180.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000

d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	1.500.000	1.500.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại	Ngày	5	500.000	2.500.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	1.500.000	1.500.000
C	Hợp tác xã Đầu tư Phát triển Nông nghiệp xanh - Địa chỉ: Xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm sầu riêng - Quy mô: 31 hộ - Diện tích: 50 ha				164.600.000
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				26.280.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (6 mẫu Sầu riêng)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	6	1.000.000	6.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	6	1.000.000	6.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	6	1.200.000	7.200.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	6	1.000.000	6.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	6	180.000	1.080.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				64.960.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	2	800.000	1.600.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	2	200.000	400.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	2	400.000	800.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	1	800.000	800.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	2	800.000	1.600.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	2	200.000	400.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	2	400.000	800.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ...(trọn gói)	Trọn gói	1	1.460.000	1.460.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	25	800.000	20.000.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	25	200.000	5.000.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	25	400.000	10.000.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	25	500.000	12.500.000

5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Công	2	800.000	1.600.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Công	2	200.000	400.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Công	2	800.000	1.600.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Công	2	200.000	400.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				73.360.000
I	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Công	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	3	1.400.000	4.200.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Công	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chứng nhận VietGAP		2		
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	1	1.400.000	1.400.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	1	1.400.000	1.400.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	3.160.000	3.160.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	700.000	700.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000

b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	700.000	700.000
D	Hợp tác xã Nông nghiệp Lâm Sơn - Địa chỉ: Xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ, T. Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: GlobalGAP cho sản phẩm hồ tiêu - Quy mô: 300 hộ - Diện tích: 300 ha				556.180.000
I	CHI PHÍ DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM				42.980.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (7 mẫu tiêu)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	7	1.000.000	7.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	7	1.000.000	7.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	7	1.200.000	8.400.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	7	1.000.000	7.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	7	180.000	1.260.000
1.6	Aflatoxin B1	Mẫu	7	500.000	3.500.000
1.7	Aflatoxin tổng số	Mẫu	7	760.000	5.320.000
1.8	Ochratoxin A	Mẫu	7	500.000	3.500.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO TIÊU CHUẨN GlobalGAP tiêu				298.400.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	7	1.200.000	8.400.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Công	7	200.000	1.400.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	7	400.000	2.800.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	7	500.000	3.500.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	2	1.200.000	2.400.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	7	1.200.000	8.400.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	7	200.000	1.400.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	7	400.000	2.800.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	7	500.000	3.500.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ... (trọn gói)	Trọn gói	1	6.200.000	6.200.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	100	1.200.000	120.000.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Công	100	200.000	20.000.000
4.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	100	400.000	40.000.000
4.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	100	500.000	50.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Ngày công chuyên gia	Ngày	7	1.200.000	8.400.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	7	200.000	1.400.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	7	400.000	2.800.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	7	500.000	3.500.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	5	1.200.000	6.000.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Công	5	200.000	1.000.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	5	500.000	2.500.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				214.800.000
I	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	16	1.600.000	25.600.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	16	1.600.000	25.600.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	16	1.600.000	25.600.000

b	Công tác phí của chuyên gia	Công	16	200.000	3.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	16	400.000	6.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	16	500.000	8.000.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận GlobalGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	16	1.600.000	25.600.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng GlobalGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	16	1.600.000	25.600.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá	Ngày	16	1.600.000	25.600.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	16	200.000	3.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	16	400.000	6.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	16	500.000	8.000.000
e	Chứng nhận GlobalGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	5	1.600.000	8.000.000
	Đăng ký các hộ đạt GlobalGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	5	1.600.000	8.000.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	10.000.000	10.000.000
E	Tổ hợp tác cây bưởi áp Suối Soong 1 xã Phú Vinh - Địa chỉ: Xã Phú Vinh, Định Quán, T. Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm Bưởi da xanh - Quy mô: 16 hộ - Diện tích: 20,9 ha				121.600.000
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				17.520.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (4 mẫu bưởi)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	4	1.000.000	4.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	4	1.000.000	4.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	4	1.200.000	4.800.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	4	1.000.000	4.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	4	180.000	720.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				45.400.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	1	800.000	800.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	1	200.000	200.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	1	400.000	400.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	1	500.000	500.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	2	800.000	1.600.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	2	800.000	1.600.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	2	200.000	400.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	2	400.000	800.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ...(trọn gói)	Trọn gói	1	2.000.000	2.000.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	16	800.000	12.800.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	16	200.000	3.200.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	16	400.000	6.400.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	16	500.000	8.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	2	800.000	1.600.000
5.3	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
5.4	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
5.5	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	2	500.000	1.000.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	1	800.000	800.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	1	200.000	200.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	1	400.000	400.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	1	500.000	500.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				58.680.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				

1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	2	1.250.000	2.500.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	2	1.250.000	2.500.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	2	1.250.000	2.500.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chứng nhận VietGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	2	1.250.000	2.500.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	2	1.250.000	2.500.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	1.830.000	1.830.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	500.000	500.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	500.000	500.000
F	Hợp tác xã dịch vụ và nông nghiệp Bình Lợi - Địa chỉ: Xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, T. Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm Bưởi				175.750.000

	- Qui mô: 20 hộ - Diện tích: 30 ha				
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				21.900.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (5 mẫu bươi)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	5	1.000.000	5.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	5	1.000.000	5.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	5	1.200.000	6.000.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	5	1.000.000	5.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	5	180.000	900.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				67.900.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	3	800.000	2.400.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	3	200.000	600.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	3	400.000	1.200.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	3	500.000	1.500.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	2	800.000	1.600.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	4	800.000	3.200.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	4	200.000	800.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	4	400.000	1.600.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ...(Trọn gói)	Trọn gói	1	2.100.000	2.100.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	20	800.000	16.000.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	20	200.000	4.000.000
4.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	20	400.000	8.000.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	20	500.000	10.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	3	800.000	2.400.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	3	500.000	1.500.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	4	800.000	3.200.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				85.950.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
e	Chứng nhận VietGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	3	1.250.000	3.750.000

	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	2.150.000	2.150.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	600.000	600.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	3	800.000	2.400.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	3	500.000	1.500.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	600.000	600.000
G	Hợp tác xã dịch vụ và nông nghiệp Tân Triều - Địa chỉ: Xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm Bưởi - Quy mô: 100 hộ - Diện tích: 50 ha				298.000.000
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				43.800.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (10 mẫu bưởi)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	10	1.000.000	10.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	10	1.000.000	10.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	10	1.200.000	12.000.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	10	1.000.000	10.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	10	180.000	1.800.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				130.000.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	3	800.000	2.400.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	3	200.000	600.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	3	400.000	1.200.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	3	500.000	1.500.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	3	800.000	2.400.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	3	800.000	2.400.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	3	200.000	600.000

3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	3	400.000	1.200.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	3	500.000	1.500.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ... (Trọn gói)	Trọn gói	1	2.200.000	2.200.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	50	800.000	40.000.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	50	200.000	10.000.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	50	400.000	20.000.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	50	500.000	25.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	5	800.000	4.000.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	5	500.000	2.500.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	5	800.000	4.000.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	5	500.000	2.500.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				124.200.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
e	Chứng nhận VietGAP		5		
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	3.500.000	3.500.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	4	800.000	3.200.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	4	500.000	2.000.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	4	800.000	3.200.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	4	500.000	2.000.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	4	800.000	3.200.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	4	500.000	2.000.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	2.200.000	2.200.000

3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	4	800.000	3.200.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	4	500.000	2.000.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	4	800.000	3.200.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	4	500.000	2.000.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	4	800.000	3.200.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	4	500.000	2.000.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	2.200.000	2.200.000
H	Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ thương mại du lịch xoài Phú Lý - Địa chỉ: Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm Xoài - Quy mô: 18 hộ - Diện tích: 48 ha				277.920.000
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				39.420.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (9 mẫu)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	9	1.000.000	9.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	9	1.000.000	9.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	9	1.200.000	10.800.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	9	1.000.000	9.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	9	180.000	1.620.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				105.200.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	5	800.000	4.000.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	5	200.000	1.000.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	5	400.000	2.000.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	5	500.000	2.500.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	3	800.000	2.400.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	3	800.000	2.400.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	3	200.000	600.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	3	400.000	1.200.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	3	500.000	1.500.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ... (trọn gói)	Trọn gói	1	2.100.000	2.100.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	36	800.000	28.800.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	36	200.000	7.200.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	36	400.000	14.400.000
4.5	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	36	500.000	18.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	6	800.000	4.800.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	6	500.000	3.000.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	3	800.000	2.400.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	3	200.000	600.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	3	400.000	1.200.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	3	500.000	1.500.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				133.300.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				

1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Công	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thăm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thăm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
e	Chứng nhận VietGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	1.900.000	1.900.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	6	800.000	4.800.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	6	800.000	4.800.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	550.000	550.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	5	800.000	4.000.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	6	800.000	4.800.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	6	800.000	4.800.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	550.000	550.000
I	HTX DV NN - TM - DL BÌNH MINH - Địa chỉ: Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Tiêu chuẩn áp dụng: VietGAP cho sản phẩm Cây có múi				219.890.000

	- Quy mô: 15 hộ				
	- Diện tích: 40 ha				
I	CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM				35.040.000
1	Chi phí phân tích mẫu sản phẩm (8 mẫu)				
1.1	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo	Mẫu	8	1.000.000	8.000.000
1.2	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc	Mẫu	8	1.000.000	8.000.000
1.3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Carbamate	Mẫu	8	1.200.000	9.600.000
1.4	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Lân	Mẫu	8	1.000.000	8.000.000
1.5	Chì (Pb)	Mẫu	8	180.000	1.440.000
II	CHI PHÍ ĐÀO TẠO				98.600.000
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình các nông hộ tham gia dự án				
1.1	Chuyên gia khảo sát, điều tra (Ngày công chuyên gia)	Ngày	6	800.000	4.800.000
1.2	Công tác phí đi điều tra	Ngày	6	200.000	1.200.000
1.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia điều tra	Ngày	6	400.000	2.400.000
1.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	6	500.000	3.000.000
2	Biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên	Ngày	2	800.000	1.600.000
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn các chương trình theo yêu cầu của tiêu				
3.1	Giảng viên đào tạo, tập huấn các tiêu chuẩn	Ngày	4	800.000	3.200.000
3.2	Công tác phí của giảng viên	Ngày	4	200.000	800.000
3.3	Chi phí lưu trú của giảng viên	Ngày	4	400.000	1.600.000
3.4	Chi phí đi - lại của giảng viên trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
3.5	Thuê địa điểm, máy chiếu, nước uống, ...(trọn gói)	Trọn gói	1	2.000.000	2.000.000
4	Hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban				
4.1	Chuyên gia kiểm tra quá trình áp dụng, ghi chép, lưu hồ sơ của các	Ngày	32	800.000	25.600.000
4.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	32	200.000	6.400.000
4.3	Chi phí lưu trú chuyên gia	Ngày	32	400.000	12.800.000
4.4	Chi phí đi - lại trọn gói của chuyên gia	Ngày	32	500.000	16.000.000
5	Hướng dẫn và thực hiện đánh giá nội bộ				
5.1	Chuyên gia hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ	Ngày	4	800.000	3.200.000
5.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
5.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
5.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
6	Khắc phục lỗi sau đánh giá				
6.1	Chuyên gia hướng dẫn khắc phục lỗi	Ngày	4	800.000	3.200.000
6.2	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	4	200.000	800.000
6.3	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	4	400.000	1.600.000
6.4	Chi phí đi - lại của chuyên gia trọn gói	Ngày	4	500.000	2.000.000
III	CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN				86.250.000
1	Chi phí đánh giá và chứng nhận				
1.1	Chi phí đánh giá sơ bộ				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Đánh giá sơ bộ tại hiện trường và kiểm tra khắc phục của các hộ	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
	Báo cáo kết quả kiểm tra và yêu cầu biện pháp khắc phục đối với	Ngày	6	1.250.000	7.500.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	6	200.000	1.200.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	6	400.000	2.400.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	6	500.000	3.000.000
1.2	Chi phí đánh giá chính thức và chứng nhận VietGAP				
a	Công chuyên gia đánh giá				
	Thẩm xét, đánh giá tài liệu và hồ sơ; quyết định thành lập đoàn	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Đánh giá chính thức việc áp dụng VietGAP tại các hộ sản xuất	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
	Báo cáo đánh giá sự phù hợp: Thẩm định hồ sơ đánh giá VietGAP	Ngày	5	1.250.000	6.250.000
b	Công tác phí của chuyên gia	Ngày	5	200.000	1.000.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	5	400.000	2.000.000
d	Chi phí đi - lại của chuyên gia	Ngày	5	500.000	2.500.000
e	Chứng nhận VietGAP				
	Hoàn thiện hồ sơ và thủ tục cấp giấy chứng nhận/ không cấp giấy	Ngày	3	1.250.000	3.750.000
	Đăng ký các hộ đạt VietGAP trên trang mạng chính thức của Bộ	Ngày	3	1.250.000	3.750.000

	Chi phí tài liệu, văn phòng phẩm của nhà thầu trong suốt quá trình đánh giá, xây dựng báo cáo và cung cấp báo cáo với các đơn vị liên quan	Trọn gói	1	1.700.000	1.700.000
2	Chi phí đánh giá giám sát năm 2				
2.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
2.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
2.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	450.000	450.000
3	Chi phí đánh giá giám sát năm 3				
3.1	Chi Phí kiểm tra, đánh giá hồ sơ, tài liệu sản xuất tại cơ sở				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.2	Chi phí đánh giá hiện trường sản xuất				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ đánh giá, ra công văn duy trì đánh giá				
a	Ngày công chuyên gia	Ngày	2	800.000	1.600.000
b	Công tác phí chuyên gia	Ngày	2	200.000	400.000
c	Chi phí lưu trú của chuyên gia	Ngày	2	400.000	800.000
d	Chi phí đi lại của chuyên gia	Ngày	2	500.000	1.000.000
e	Chi phí văn phòng phẩm trọn gói	Trọn gói	1	450.000	450.000
Tổng cộng (đã bao gồm thuế VAT):					2.265.040.000

Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng/.